

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/ DS - ST

Ngày: 31-8- 2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Năm

2. Ông Lê Bình Quyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân h. Hoàng Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa không tham gia phiên tòa:

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST- DS, ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXXST- DS, ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1966. Có mặt

Địa chỉ: thôn 2, xã Hoàng K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Ông Phạm Công L , sinh năm 1964. Có mặt

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Có mặt

Đều địa chỉ: thôn 1, xã Hoàng K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Duy Ch, sinh năm 1964

Địa chỉ: thôn 2, xã Hoàng K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà Nguyễn Thị Ph; ông L, bà H, ông Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Ngày 23/10/2017 ông Phạm Công L và bà Nguyễn Thị H có hỏi vay của tôi số tiền 400.000.000đồng(Bốn trăm triệu đồng). Lần thứ hai vào ngày 14/3/2018 ông L và bà H có vay tiếp của tôi số tiền 510.000.000đồng(Năm trăm mười triệu đồng) vay với mục đích là làm ăn kinh doanh với thời hạn là 01 tháng sẽ trả cho gia đình tôi số tiền

trên. Đã nhiều lần tôi đến nhà ông L, bà H đòi nợ, nhưng ông bà vẫn không trả cho tôi được đồng nào, nay tôi yêu cầu ông L và bà H phải trả cho tôi toàn bộ số tiền trên.

Tại bản khai bổ sung của bà Ph thể hiện: Về 02 hợp đồng ghi ngày 14/4/2018 và ngày 14/5/2018 có cùng số tiền vay là 510.000.000đồng(Năm trăm mười triệu đồng).

Thời gian từ tháng 3/2018 dương lịch tôi đi sang chăm con dâu sinh tại Nhật Bản, chồng tôi là ông Ch gọi ông L và bà H lên ký 02 hợp đồng vay nợ ngày 14/4/2018 với số tiền 510.000.000đồng và ngày 14/5/2018 là 400.000.000đ. Nhưng sau đó ông L có lên hỏi ông Ch mượn hợp đồng ngày 14/5/2018 ông Ch do tin tưởng là anh em trong nhà nên đưa cho ông L nhưng không thấy ông L mang lên trả nên 04 ngày sau ông Ch lên đòi thì ông L không trả cho ông Ch nữa. Khi tôi từ Nhật về thì tôi lập 01 hợp đồng như nội dung hợp đồng ông Ch đã đưa cho ông L, tôi yêu cầu ông L ký vào, còn số tiền ghi trong hợp đồng do tôi ghi nhầm số nhưng thực tế số tiền mà ông L, bà H vay của tôi là 400.000.000đồng(tôi ghi nhầm là 510.000.000đồng).

Về lãi xuất: Tôi đề nghị Tòa án tính lãi xuất 0,9%/năm kể từ khi ký hợp đồng cho đến nay.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị H - bị đơn trình bày:

Tôi là vợ ông L. Do mối quan hệ anh em trong nhà, nên gia đình tôi có vay của bà Ph nhiều lần, mỗi lần vay khoảng 150.000.00đồng hoặc 200.000.000đồng. Nhưng lần nào vay tôi cũng đã thanh toán cả gốc và lãi cho bà Ph. Hiện tôi chỉ còn nợ bà Ph khoản nợ 510.000.000đồng. Khoản vay này là tôi vay làm 02 lần. Lần 01 vào ngày 29/11/2017 vay 218.000.000đồng; lần 2 vào ngày 11/12/2017 vay 290.000.000đồng. Sau đó đến ngày 12/01/2018 bà Ph cộng dồn 02 khoản này lại, đối trừ các khoản thì chúng tôi chốt nợ là 510.000.000đồng. Đến khoảng tháng 4/2018 do bà Ph lúc này đang ở bên Nhật nên khi tôi thanh toán công nợ, do phải vay của ngân hàng 200.000.000đồng, tôi trả 50.000.000đồng cho ông V (anh trai của ông Ch) ông V làm cán bộ tín dụng tôi nhờ ông V cầm hộ số tiền về trả cho ông Ch bà Ph hộ tôi. Do vậy tôi còn nợ lại của bà Ph số tiền 460.000.000đồng. Tôi có trao đổi để bà Ph đối trừ nhưng bà Ph nói là tiền đó trừ vào tiền lãi không tính vào gốc.

Nay bà Ph khởi kiện yêu cầu tôi trả 910.000.000đồng tôi chỉ chấp nhận số tiền nợ 510.000.000đồng đã trả được 50.000.000đồng còn lại 460.000.000đồng. Nguyên vọng của, do tôi bị bệnh tật nên tôi mong được trả dần cho bà Ph. Còn khoản vay ngày 14/5/2018 với số tiền 400.000.000đồng thì tôi không chấp nhận.

Tại bản khai của ông Phạm Công L trình bày như sau: Giữa gia đình tôi và gia đình bà Ph có mối quan hệ là người nhà. Việc vay nợ giữa bà Ph và vợ tôi như thế nào tôi không rõ, nhưng vợ tôi đang chữa bệnh tôi đang rất rối bời thì ông Ch gọi tôi lên ký giấy vay tiền. Khi đó tờ hợp đồng vay tiền đang để trống và chưa ghi tên tuổi số liệu gì, nhưng vì vội tôi suy nghĩ là anh em người nhà nên tôi ký vào.

Nay bà Ph khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền nợ 910.000.000đồng. Quan điểm của tôi là số tiền nợ cụ thể là do vợ tôi vay, tôi không nắm rõ nhưng khi chốt nợ giữa hai bên tôi sẽ có trách nhiệm động viên vợ tôi trả cho bà Ph chứ không trốn tránh việc trả nợ và nguyện vọng của tôi xin được trả dần.

Tại bản khai của ông Lê Duy Ch trình bày: Ngày 14/5/2018 tôi và ông L, bà H, ông V xác lập 02 tờ hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2018 và ngày 14/5/2018. Trong đó có 01 tờ khoản vay là 400.000.000đồng và 01 tờ khoản vay 510.000.000đồng tôi không nhớ rõ hợp đồng nào số tiền cụ thể.

Sau một hai ngày thì ông L, bà H có lên hỏi mượn tôi 01 bản hợp đồng để đối chiếu nên tôi đưa lại cho ông bà ấy. Bốn ngày sau tôi lên gặp ông bà L Hồng để xin lại tờ hợp đồng đó nhưng bà H có nói con trai bà ấy là Phan Công Tuyền không biết nên đã xé hợp đồng đó rồi. Còn hợp đồng vay ngày 14/5/2018 ông L có ký với bà Ph không thì tôi không biết.

Tại bản khai của ông V thể hiện: Tôi là anh ruột của ông Ch vào thời điểm tháng 4/2018 bà Ph đang ở bên Nhật Bản có gọi điện cho tôi nhờ tôi viết giấy nợ với nhà ông L, bà H. Tôi xác nhận chữ viết trong hợp đồng ngày 14/4/2018 là chữ của tôi, còn dòng ghi chứng minh nhân dân của ông L tự tay ông L viết(chữ bút bi màu xanh).

Việc vay mượn bàn giao tiền giữa bà Ph, ông L, bà H, ông Ch tôi không được chứng kiến. Tôi chỉ là người viết hợp đồng hộ cho bà Ph khi bà Ph gọi điện nhờ.

Khi viết hộ 02 tờ hợp đồng ngày 14/4/2018 vay tiền là 510.000.000đồng và 01 tờ ghi ngày 14/5/2018 là 400.000.000đồng. Khi tôi viết xong 02 tờ hợp đồng thì tôi đưa cả cho ông Ch cầm. Hai tờ hợp đồng này hai bên có ký, nhận nhưng hiện tại 02 tờ hợp đồng đang ở đâu thì tôi không biết.

Tại biên bản hòa giải các đương sự thể hiện:

Quan điểm của bà Ph: Bà Ph có cho bà H, ông L vay số tiền 910.000.000đồng(Chín trăm mười triệu đồng) làm 02 lần: Lần 1 vào ngày 14/4/2018 là 510.000.000đồng và lần 2 vào ngày 14/5/2018 là 400.000.000đồng. Nay bà yêu cầu ông L bà H phải trả nợ cho bà.

Quan điểm của bà H Bà thừa nhận khoản nợ 510.000.000đồng (đây là khoản vay cộng dồn từ 02 món ngày 29/11/2017 là 218.000.000đ và 11/12/2017 là 290.000.000đ. Sau khi đối trừ chốt nợ là 510.000.000đồng).

Sau đó bà có gửi ông V cán bộ tín dụng số tiền 50.000.000đ để trả bớt cho bà Ph. Nay bà H thừa nhận còn nợ lại bà Ph 460.000.000đồng.

Tại phiên tòa bà Ph rút yêu cầu đối với hợp đồng ngày 14/5/2018. Việc bà Ph rút một phần yêu cầu là sự tự nguyện.

Quan điểm bà Ph: Có nhận số tiền 50.000.000đồng từ ông V nhưng đây là số tiền lãi. Bà H yêu cầu trừ tiền gốc bà Ph không chấp nhận.

Tại phiên tòa: Bà H cho rằng đã trả được cho bà Ph được 58.000.000đồng tiền lãi.

Bà Ph không thừa nhận số tiền bà H trả lãi là 58.000.000đ.

Hội đồng xét xử yêu cầu bà H xuất trình giấy trả nợ, bà Hồng không xuất trình giấy trả nợ số tiền 58.000.000đ cho bà Ph.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph có sự thay đổi rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng ngày 14/5/2018 là sự tự nguyện. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng ngày 14/4/2018 của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay (tiền) là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản(tiền) giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ph và bị đơn là bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Công L có hộ khẩu tại thôn 2, xã Hoằng Kim, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy đây thuộc loại việc được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hoằng Hóa.

[2]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Công L thống nhất còn nợ bà Ph số tiền là 510.000.000đ của hợp đồng vay nợ ngày 14/4/2018.

Đối với khoản vay của hợp đồng ngày 14/5/2018 là 510.000.000đồng bà Ph chỉ thừa nhận bà cho bà H vay thực tế số tiền vay là 400.000.000đồng, còn 510.000.000đ là do bà ghi nhầm.

Tại phiên tòa bà Ph rút yêu cầu đối với hợp đồng ngày 14/5/2018, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ph.

Xét yêu cầu của Bà Ph: Hội đồng xét xử xét thấy trong Hợp đồng vay tiền ngày 14/4/2018 hai bên thống nhất được số tiền vay là 510.000.000đ(đã trả được 50.000.000đ) còn lại 460.000.000đ đã nhiều lần bà Ph hỏi nợ ông L, bà H nhưng

không trả cho bà, nên việc bà Ph yêu cầu ông L bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ cho bà một lần cùng với số tiền lãi suất 9%/năm tính từ ngày 14/4/2018 cho đến nay, yêu cầu của bà Ph là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận. Buộc bà H và ông L phải trả cho bà Ph số tiền là 460.000.000đồng .

Xét yêu cầu của bà H: Bà cho rằng đối với hợp đồng ngày 14/4/2018 số tiền nợ bà đã trả được cho bà Ph 50.000.000đ từ ông V cho ông Ch. Bà còn nợ bà Ph số tiền là 460.000.000đ.

Đối với tiền lãi: Bà đã trả cho bà Ph 58.000.000đ tiền lãi. Tại phiên tòa bà Ph không thừa nhận việc bà Hồng trả lãi cho bà. HĐXX yêu cầu bà H xuất trình giấy tờ trả lãi nhưng bà không có giấy tờ nào chứng minh việc bà đã trả số tiền lãi cho bà Ph. Do đó, yêu cầu của bà Hồng là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hoàng Công L phải thanh toán cả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của bà Phượng như đã nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo đó, bà H, ông L phải thanh toán cho bà Phượng số tiền 460.000.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/4/2018 đến ngày mở phiên tòa hôm nay là 28 tháng 06 ngày trên số tiền gốc là 460.000.000đ. Cụ thể số tiền lãi là:

$$460.000.000đ \times 9\% \times 28 \text{ tháng} \frac{16 \text{ ngày}}{365}$$

= 97.091.000đ(Chín mươi bảy triệu không trăm chín mươi một ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà H, ông L phải thanh toán cho bà Ph là:

+ Tiền nợ gốc: 460.000.000đ + Tiền lãi 97.091.000đ = Tổng cộng 557.091.000.000đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H là người khuyết tật nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Ph không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Diễn đ khoản 1 Điều 12 Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph đối với hợp đồng ngày 14/4/2018.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Công L phải trả cho bà Ph số tiền là: 557.091.000.000đ (Năm trăm năm mươi bảy triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H là người khuyết tật nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 19.500.000.000đ (Mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0009792 ngày 25/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h Hoàng Hóa;
- Chi cục THADS h. Hoàng Hóa;
- UBND xã;
- Các đương
- Lưu hồ sơ

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương

